

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH02061**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988			8	7	7.0	7.0			8.0		7.7
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984			7	7	7.0	7.0			8.0		7.6
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998			7	8	7.0	7.0			8.0		7.7
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980			8	7	7.0	8.0			8.0		7.8
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992			7	7	8.0	7.0			7.5		7.4
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982			7	7	7.0	7.0			8.5		7.9
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979			7	7	7.0	7.0			8.0		7.6
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996			7	7	7.0	8.0			7.0		7.1
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993			7	8	7.0	7.0			7.5		7.4
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983			7	7	7.0	7.0			8.0		7.6
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992			7	7	7.0	7.0			7.5		7.3
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984			7	7	7.0	7.0			8.0		7.6
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990			8	7	7.0	7.0			8.5		8.0
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992			8	7	7.0	8.0			7.5		7.5
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996			7	7	8.0	8.0			7.0		7.3
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991			7	8	7.0	7.0			7.5		7.4

Châu Đốc, ngày 27 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền